

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213360099	Trần Ngọc	Anh	18/05/2006	01MK14C1	6.5	9.0	8.2		9.0		8.7	Đạt
2	1213360005	Phan Thụy Ngọc	Ánh	05/02/2002	01MK14C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
3	1213360103	Đào Huỳnh Gia	Bảo	22/10/2006	01MK14C1	5.5	7.0	6.5		8.0		7.4	Đạt
4	1213240061	Đỗ Văn	Công	08/03/2003	01MK14A1	5.0	6.0	5.7		9.0		7.7	Đạt
5	1213240017	Lê	Đô	17/06/1998	01MK14A1	8.5	10.0	9.5		10.0		9.8	Đạt
6	1213360069	Phạm Nhật Tâm	Đoan	20/09/2005	01MK14C1	5.5	0.0	1.8	TBKT			0.7	Học lại
7	1213360094	Trần Chấn	Đông	04/10/2006	01MK14C1	4.0	10.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
8	1213360157	Nguyễn Thị Hồng	Hà	16/01/1996	01MK14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
9	1213360144	Biện Thái Ngọc	Hân	24/07/2006	01MK14C1	5.5	6.0	5.8		8.0		7.1	Đạt
10	1213360154	Trần Phan Quốc	Hùng	02/09/2006	01MK14C1	5.5	10.0	8.5		6.0		7.0	Đạt
11	1213360040	Lê Quốc	Hưng	23/01/2006	01MK14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
12	1213360129	Võ Nhựt	Huy	27/12/2006	01MK14C1	6.0	7.0	6.7		6.5		6.6	Đạt
13	1213360115	Hứa Thị Kim	Ngân	24/04/2006	01MK14C1	6.0	10.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
15	1213360017	Lý Kim	Phụng	10/02/2006	01MK14C1	6.0	9.0	8.0		9.5		8.9	Đạt
16	1213240019	Trần Thị Thu	Thắm	31/10/2002	01MK14A1	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
17	1213360126	Nguyễn Liên	Thành	12/12/2006	01MK14C1	7.0	10.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
18	1213360145	Nguyễn Hòa	Thành	08/12/2004	01MK14C1	5.0	9.0	7.7		6.5		7.0	Đạt
19	1213360054	Trương Kim Uyên	Thảo	01/10/2006	01MK14C1	6.5	10.0	8.8		9.0		8.9	Đạt
20	1213360140	Huỳnh Phạm Anh	Thư	01/11/2006	01MK14C1	6.8	8.0	7.6		7.0		7.2	Đạt
21	1213360022	Lê Hoàng Tú	Trinh	30/11/2005	01MK14C1	6.0	9.0	8.0		6.5		7.1	Đạt

22	1213360092	Nguyễn Hồ Phương Uyên	30/05/2006	01MK14C1	6.0	9.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
23	1213360156	Cao Nguyên Vũ	01/11/2006	01MK14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
24	1213360135	Nguyễn Hà Vy	17/07/2006	01MK14C1	6.0	10.0	8.7		8.0		8.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213360099	Trần Ngọc	Anh	18/05/2006	01MK14C1	7.0	9.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
2	1213360005	Phan Thụy Ngọc	Ánh	05/02/2002	01MK14C1	8.0	10.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
3	1213360103	Đào Huỳnh Gia	Bảo	22/10/2006	01MK14C1	6.0	7.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
4	1213240061	Đỗ Văn	Công	08/03/2003	01MK14A1	5.5	9.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
5	1213240017	Lê	Đô	17/06/1998	01MK14A1	8.5	10.0	9.5		10.0		9.8	Đạt
6	1213360069	Phạm Nhật Tâm	Đoan	20/09/2005	01MK14C1	5.0		1.7	TBKT			0.7	Học lại
7	1213360094	Trần Chấn	Đông	04/10/2006	01MK14C1	5.0	6.0	5.7		9.0		7.7	Đạt
8	1213360157	Nguyễn Thị Hồng	Hà	16/01/1996	01MK14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
9	1213360144	Biện Thái Ngọc	Hân	24/07/2006	01MK14C1	6.5	8.0	7.5		6.5		6.9	Đạt
10	1213360154	Trần Phan Quốc	Hùng	02/09/2006	01MK14C1	5.5	8.0	7.2		7.5		7.4	Đạt
11	1213360040	Lê Quốc	Hưng	23/01/2006	01MK14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
12	1213360129	Võ Nhựt	Huy	27/12/2006	01MK14C1	6.5	7.0	6.8		4.5		5.4	Đạt
13	1213360115	Hứa Thị Kim	Ngân	24/04/2006	01MK14C1	7.5	9.0	8.5		9.5		9.1	Đạt
15	1213360017	Lý Kim	Phụng	10/02/2006	01MK14C1	7.0	10.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
16	1213240019	Trần Thị Thu	Thắm	31/10/2002	01MK14A1	9.0	10.0	9.7		10.0		9.9	Đạt
17	1213360126	Nguyễn Liên	Thành	12/12/2006	01MK14C1	7.5	8.0	7.8		9.0		8.5	Đạt
18	1213360145	Nguyễn Hòa	Thành	08/12/2004	01MK14C1	6.0	8.0	7.3		4.5		5.6	Đạt
19	1213360054	Trương Kim Uyên	Thảo	01/10/2006	01MK14C1	6.5	9.0	8.2		3.0		5.1	Đạt
20	1213360140	Huỳnh Phạm Anh	Thư	01/11/2006	01MK14C1	6.0	9.0	8.0		7.5		7.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
							4.0		6.0	6.0		
21	1213360022	Lê Hoàng TúTrinh	30/11/2005	01MK14C1	6.0	9.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
22	1213360092	Nguyễn Hồ PhươngUyên	30/05/2006	01MK14C1	6.5	8.0	7.5		4.5		5.7	Đạt
23	1213360156	Cao NguyênVũ	01/11/2006	01MK14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
24	1213360135	Nguyễn HàVy	17/07/2006	01MK14C1	6.0	9.0	8.0		4.5		5.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213360099	Trần Ngọc Anh	18/05/2006	01MK14C1	7.0	7.0	7.0		3.5		4.9	Đạt
2	1213360005	Phan Thụy Ngọc Ánh	05/02/2002	01MK14C1	8.5	8.0	8.2		2.8		4.9	Đạt
3	1213360103	Đào Huỳnh Gia Bảo	22/10/2006	01MK14C1	5.0	5.0	5.0		3.0		3.8	Thi lại
4	1213240061	Đỗ Văn Công	08/03/2003	01MK14A1	6.5	7.0	6.8		3.0		4.5	Đạt
5	1213240017	Lê Đô	17/06/1998	01MK14A1	10.0	9.0	9.3		9.3		9.3	Đạt
6	1213360094	Trần Chấn Đông	04/10/2006	01MK14C1	5.0	7.0	6.3		3.0		4.3	Đạt
7	1213360144	Biện Thái Ngọc Hân	24/07/2006	01MK14C1	5.0	8.0	7.0		3.8		5.1	Đạt
8	1213360154	Trần Phan Quốc Hùng	02/09/2006	01MK14C1	5.5	5.0	5.2		3.3		4.0	Đạt
9	1213360129	Võ Nhựt Huy	27/12/2006	01MK14C1	5.0	5.0	5.0		3.5		4.1	Đạt
10	1213360115	Hứa Thị Kim Ngân	24/04/2006	01MK14C1	5.5	7.0	6.5		4.0		5.0	Đạt
12	1213360017	Lý Kim Phụng	10/02/2006	01MK14C1	6.0	5.5	5.7		3.0		4.1	Đạt
13	1213240019	Trần Thị Thu Thắm	31/10/2002	01MK14A1	9.5	8.5	8.8		5.8		7.0	Đạt
14	1213360126	Nguyễn Liên Thành	12/12/2006	01MK14C1	6.0	8.0	7.3		4.0		5.3	Đạt
15	1213360145	Nguyễn Hòa Thành	08/12/2004	01MK14C1	5.0	8.0	7.0		2.5		4.3	Đạt
16	1213360054	Trương Kim Uyên Thảo	01/10/2006	01MK14C1	5.0	5.5	5.3		5.0		5.1	Đạt
17	1213360140	Huỳnh Phạm Anh Thư	01/11/2006	01MK14C1	5.0	7.0	6.3		4.5		5.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
							4.0		6.0	6.0		
18	1213360022	Lê Hoàng TúTrinh	30/11/2005	01MK14C1	6.0	7.0	6.7		2.8		4.3	Đạt
19	1213360092	Nguyễn Hồ Phương Uyên	30/05/2006	01MK14C1	5.0	5.5	5.3		4.3		4.7	Đạt
20	1213360135	Nguyễn Hà Vy	17/07/2006	01MK14C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Học lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: QUẢN TRỊ SẢN PHẨM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213360099	Trần Ngọc	Anh	18/05/2006	01MK14C1	8.0	7.8	7.8		6.8		7.2	Đạt
2	1213360005	Phan Thụy Ngọc	Ánh	05/02/2002	01MK14C1	9.0	8.3	8.5		7.8		8.1	Đạt
3	1213360103	Đào Huỳnh Gia	Bảo	22/10/2006	01MK14C1	7.0	9.3	8.5		5.2		6.5	Đạt
4	1213240061	Đỗ Văn	Công	08/03/2003	01MK14A1	10.0	8.8	9.2		4.4		6.3	Đạt
5	1213240017	Lê	Đô	17/06/1998	01MK14A1	10.0	9.3	9.5		9.4		9.4	Đạt
6	1213360094	Trần Chấn	Đông	04/10/2006	01MK14C1	7.5	7.0	7.2		5.8		6.3	Đạt
7	1213360144	Biện Thái Ngọc	Hân	24/07/2006	01MK14C1	9.0	7.3	7.8		7.2		7.5	Đạt
8	1213360154	Trần Phan Quốc	Hùng	02/09/2006	01MK14C1	8.5	6.8	7.3		4.6		5.7	Đạt
9	1213360129	Võ Nhựt	Huy	27/12/2006	01MK14C1	7.0	6.8	6.8		5.0		5.7	Đạt
10	1213360115	Hứa Thị Kim	Ngân	24/04/2006	01MK14C1	10.0	7.3	8.2		6.0		6.9	Đạt
11	1213180029	Đỗ Yến	Nhung	10/12/1990	01MK14A1	8.5	7.8	8.0		8.8		8.5	Đạt
12	1213360017	Lý Kim	Phụng	10/02/2006	01MK14C1	7.5	7.8	7.7		5.8		6.5	Đạt
13	1213240019	Trần Thị Thu	Thắm	31/10/2002	01MK14A1	7.0	9.0	8.3		8.4		8.4	Đạt
14	1213360126	Nguyễn Liên	Thành	12/12/2006	01MK14C1	6.0	6.8	6.5		5.0		5.6	Đạt
15	1213360145	Nguyễn Hòa	Thành	08/12/2004	01MK14C1	10.0	8.0	8.7		7.6		8.0	Đạt
16	1213360054	Trương Kim Uyên	Thảo	01/10/2006	01MK14C1	7.0	4.0	5.0		4.6		4.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: QUẢN TRỊ SẢN PHẨM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
17	1213360140	Huỳnh Phạm Anh Thư	01/11/2006	01MK14C1	7.5	6.0	6.5		5.6		6.0	Đạt
18	1213360022	Lê Hoàng Tú Trinh	30/11/2005	01MK14C1	7.5	5.5	6.2		4.6		5.2	Đạt
19	1213360092	Nguyễn Hồ Phương Uyên	30/05/2006	01MK14C1	8.5	7.0	7.5		5.8		6.5	Đạt
20	1213360135	Nguyễn Hà Vy	17/07/2006	01MK14C1	7.5	6.8	7.0				2.8	thi lại